

Bản án số: 882/2017/DS-PT

Ngày: 25-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Hải

Các Thẩm phán:

Ông Lưu Trường Sanh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quỳnh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 359/2017/TLPT-DS ngày 28 tháng 8 năm 2017, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1989/2017/QĐ-PT, ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn A

Địa chỉ: Số 18 Lô J Cư xá N, phường T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lê Văn H**, sinh năm **1976**

- Giấy ủy quyền số 329/NHNo-PMH ngày 11/9/2017 (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Trần Tuấn Việt H**, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Số 169/28 D2 đường L, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Ông **Trần Tuấn Việt H** – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn A có đại diện theo uỷ quyền là ông Lê Văn H trình bày:

Vào ngày 14/6/2011, theo đơn đề nghị của ông Trần Tuấn Việt H, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn A đồng ý cấp thẻ tín dụng - loại thẻ Tín dụng Quốc tế cho ông Trần Tuấn Việt H, số thẻ 6240205113230 theo Hợp đồng số 1106000093/HĐSDT; hạn mức thẻ 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng, thời hạn 24 tháng; lãi suất cho vay là 1,67%/tháng (Lãi suất có thể thay đổi theo quy định của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn A trong từng thời kỳ). Cùng ngày, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn A đã giao thẻ và mở khóa thẻ để ông H sử dụng. Đến ngày 19/9/2011, ông H có giấy đề xuất thay đổi hạn mức tín dụng thẻ và được Ngân hàng chấp thuận với hạn mức là 300.000.000 (*Ba trăm triệu*) đồng. Theo quy định về điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn A thì ông H có trách nhiệm thanh toán số tiền tối thiểu cho ngân hàng theo các thông báo giao dịch hàng tháng.

Tuy nhiên, ông H đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng. Cụ thể, tính đến ngày 10/4/2012, ông H còn nợ Ngân hàng số tiền là 323.302.451 (*Ba trăm hai mươi ba triệu ba trăm lẻ hai nghìn bốn trăm năm mươi một*) đồng và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn.

Nay Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn A yêu cầu ông Trần Tuấn Việt H thanh toán số tiền giao dịch thẻ tín dụng còn thiếu tạm tính đến ngày xét xử là 959.735.480 (*Chín trăm năm mươi chín triệu bảy ba mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi*) đồng bao gồm số tiền giao dịch còn thiếu là 323.302.451 (*Ba trăm hai mươi ba triệu ba trăm lẻ hai nghìn bốn trăm năm mươi một*) đồng và tiền lãi phát sinh là 636.433.029 (*Sáu trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn không trăm hai mươi chín*) đồng. Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Khoản nợ này, giữa Ngân hàng và cá nhân ông H ký hợp đồng, do đó Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông H trả, không liên quan đến vợ ông H.

Bị đơn là ông Trần Tuấn Việt H trình bày:

Ông xác nhận giữa ông và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn A có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1106000093/HĐSDT ngày 14/6/2011 thông qua hình thức thẻ tín dụng trên cơ sở giấy đề nghị phát hành thẻ. Ông đã được ngân hàng giao thẻ và sử dụng thẻ. Quá trình sử dụng thẻ, ông đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thông báo của ngân hàng. Tính đến 13/7/2017 ông còn nợ ngân hàng tổng số là 959.735.480 đồng (*Chín trăm năm mươi chín triệu bảy ba mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi đồng*) bao gồm số tiền giao dịch còn thiếu là 323.302.451 đồng (*Ba trăm hai mươi ba triệu ba trăm lẻ hai nghìn bốn trăm năm mươi một đồng*) và tiền lãi phát sinh là 636.433.029 đồng (*Sáu trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn không trăm hai mươi chín đồng*).

Ông thống nhất với cách tính của ngân hàng về số tiền giao dịch còn thiếu và tiền lãi phát sinh nên không có thắc mắc hay khiếu nại gì nhưng hiện do ông gặp khó khăn trong việc làm ăn nên đề nghị ngân hàng xem xét thời gian trả nợ. Ngoài ra, ông cho rằng đây là khoản nợ đã được bảo lãnh bởi bên thứ ba nên trường hợp ông không trả nợ thì bên thứ ba có trách nhiệm trả nợ thay ông. Ông H xác định đây là khoản vay cá nhân, không liên quan đến vợ ông, đồng thời ông cũng không có yêu cầu nào khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 13/7/2017, Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn A. Buộc Trần Tuấn Việt H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn A số nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 13/7/2017 tổng cộng là 959.735.480 (*Chín trăm năm mươi chín triệu bảy ba mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi*) đồng. Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông Trần Tuấn Việt H còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/7/2017 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn A.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/7/2017, ông H có đơn kháng cáo và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nêu trên để xét xử lại theo hướng ông không phải trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và xét xử lại theo hướng ông không phải trả nợ.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Xét đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí nên hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 14/6/2011, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn A và ông H đã ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 110600093/HĐSDT. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Hùng, hạn mức thẻ là 100.000.000 đồng, thời hạn 24 tháng, lãi suất là 1,67%/tháng (có thể thay đổi theo thời kỳ) và ông H có trách nhiệm thanh toán số tiền tối thiểu cho Ngân hàng theo các thông báo giao dịch hàng tháng.

Cùng ngày, Ngân hàng đã giao thẻ và mở khoá thẻ để ông H sử dụng. Đến ngày 19/9/2011, ông H có giấy đề nghị thay đổi hạn mức thẻ từ 100.000.000 đồng lên 300.000.000 đồng và được Ngân hàng chấp nhận. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án (13/7/2017) ông Hùng còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 959.735.480 (*Chín trăm năm mươi chín triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi*) đồng, bao gồm tiền giao dịch thẻ tín dụng còn thiếu là 323.302.451 đồng và tiền lãi phát sinh là 636.433.029 (*Sáu trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn không trăm hai mươi chín*) đồng. Việc ông Hùng kháng cáo cho rằng khoản vay trên ông đã có người thứ ba bảo lãnh nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà phúc thẩm, ông Hùng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên yêu cầu kháng cáo của ông là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Trần Tuấn Việt H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 13/7/2017 của Toà án nhân dân Quận 2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Trần Tuấn Việt H:

- Về hình thức: Ngày 24/7/2017, ông Trần Tuấn Việt H có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 13/7/2017 của Toà án nhân dân Quận 2. Xét đơn kháng cáo của ông H trong hạn luật định nên hợp lệ theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung:

Tại đơn kháng cáo ngày 24/7/2017, ông H kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 13/7/2017 của Toà án nhân dân Quận 2 yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm và xét xử lại theo hướng ông Hùng không phải trả nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn A yêu cầu ông Trần Tuấn Việt H thanh toán tiền giao dịch còn thiếu và lãi phát sinh từ ngày cấp thẻ tín dụng là ngày 14/6/2011. Căn cứ vào Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 14/6/2011 của ông H và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1106000093/HĐSDT cùng ngày, ông H xác nhận đã nhận thẻ và được Ngân hàng mở khoá thẻ để sử dụng. Ngày 19/9/2011 ông Hùng có giấy đề nghị thay đổi hạn mức tín dụng thẻ và được Ngân hàng chấp thuận. Các thỏa thuận này là tự nguyện và không trái quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Ông H đã thực hiện các giao dịch từ ngày 23/6/2011 đến ngày 06/01/2012 tuy nhiên ông đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo

các thông báo nhắc nợ hàng tháng nên đến ngày 10/4/2012, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn. Tại Điều 7.2 và Điều 7.4 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 14/6/2011 có quy định rõ *“Trường hợp bên B không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền tối thiểu ngân hàng sẽ tiếp tục tính lãi trên toàn bộ dư nợ hoặc phần dư nợ còn lại của bên B kể từ ngày giao dịch được cấp”*. *“Sau 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán nếu bên B không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền tối thiểu ngân hàng sẽ áp dụng lãi suất quá hạn đối với chủ thẻ”*.

Theo các bảng kê chi tiết nợ phải thu thẻ tín dụng của Ngân hàng, trong quá trình sử dụng thẻ, ông H đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng. Đến ngày 10/4/2012, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn đồng thời tiến hành các thủ tục thu hồi nợ vay. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông H phải trả cho Ngân hàng số tiền giao dịch còn thiếu là 323.302.421 (*Ba trăm hai mươi ba triệu ba trăm lẻ hai nghìn bốn trăm hai mươi một*) đồng tính đến ngày 13/7/2017 là có cơ sở.

[2] Đối với yêu cầu tính tiền lãi phát sinh từ ngày 10/4/2012 đến ngày 13/7/2017 là 631.805.907 (*Sáu trăm ba mươi một triệu tám trăm lẻ năm nghìn chín trăm lẻ bảy*) đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong từng thời kỳ, mức lãi suất cho vay đối với thẻ tín dụng quốc tế đã được Ngân hàng ban hành bằng các thông báo: Thông báo số 3531/NNHNo - KHTH ngày 24/5/2011, mức lãi suất cho vay là 20%/năm, có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/6/2011; Thông báo số 2452/NNHNo - KHTH ngày 19/4/2012, mức lãi suất cho vay là 18%/năm, có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/5/2012; Thông báo số 5962/NNHNo - KHTH ngày 26/7/2012, mức lãi suất cho vay là 16%/năm, có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/8/2012; Thông báo số 1238/NNHNo - KHTH ngày 25/02/2013, mức lãi suất cho vay là 14%/năm, có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/3/2013; Thông báo số 4581/NNHNo - KHTH ngày 27/6/2013, mức lãi suất cho vay là 13%/năm, có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/7/2013.

Mặt khác, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn A là tổ chức tín dụng được phép kinh doanh tiền tệ, căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì các tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng. Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng xác lập cùng ngày 14/6/2011, ông Trần Tuấn Việt Hùng xác nhận *“.. đã đọc, hiểu rõ và hoàn toàn nhất trí với nội dung Hợp đồng, đồng thời cam kết nghiêm chỉnh thực hiện các điều kiện, điều khoản đã ký kết”*. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm thống nhất với cách tính lãi suất của Ngân hàng đối với khoản nợ của ông Trần Tuấn Việt H từ ngày 10/4/2012 đến ngày 13/7/2017 với số tiền là 636.433.029 (*Sáu trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn không trăm hai mươi chín*) đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng khoản nợ trên đã được bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba nên trường hợp ông H không trả được nợ thì bên thứ ba có trách nhiệm trả nợ thay ông. Tại phiên toà phúc thẩm, ông H có xuất trình hợp

đồng vay của Công ty Cổ phần Địa ốc Đ được bên thứ ba bảo lãnh nhưng không liên quan đến khoản nợ tín dụng mà cá nhân ông H vay được giải quyết trong vụ án này. Ngoài ra tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh có sự đồng ý bảo lãnh của bên thứ ba, giá trị và loại tài sản được đảm bảo nên không có căn cứ để xem xét.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Tuấn Việt H và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật do đó cần phải giữ nguyên.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Pháp lệnh án phí và lệ phí năm 2009; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Trần Tuấn Việt H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 13/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh;

Buộc Trần Tuấn Việt H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn A số tiền là 959.735.480 (*Chín trăm năm mươi chín triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi*) đồng bao gồm số tiền giao dịch còn thiếu là 323.302.451 (*Ba trăm hai mươi ba triệu ba trăm lẻ hai nghìn bốn trăm năm mươi một*) đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 13/7/2017 là 636.433.029 (*Sáu trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn không trăm hai mươi chín*) đồng. Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Trần Tuấn Việt H còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/7/2017 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn A.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Tuấn Việt H phải chịu 40.792.064 (*Bốn mươi triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn không trăm sáu mươi bốn*) đồng. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 15.172.743 đồng (*Mười lăm triệu một trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng*) cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn A theo biên lai thu số 03977 ngày 16/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Tuấn Việt H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008263 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 2, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phùng Văn Hải